

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 1042 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Lạng Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong I,  
xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đơn đề ngày 11/4/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, nộp ngày 18/4/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 29/5/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung Điều 1 của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hồng Phong khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 28,5 ha; trong đó: Khu I diện tích 12,5 ha; Khu II diện tích 16,0 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 21.590.880,97 m<sup>3</sup> (trữ lượng khoáng sản tính đến ngày 01/01/2017). Mức sâu khai thác: + 265 m.

3. Trữ lượng khai thác: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

4. Công suất khai thác: 530.000 m<sup>3</sup>/năm.

**Điều 2.** Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh và nội dung Quyết định này.
2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc, Chủ tịch UBND xã Hồng Phong, Chủ tịch UBND xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hồng Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

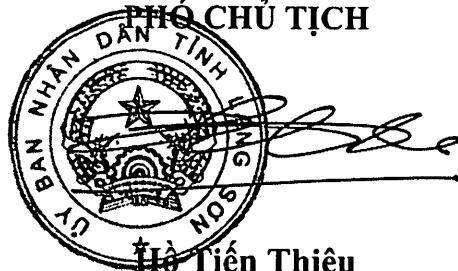
*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03 bản);
- PCVP, các phòng: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN (NNT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Phụ lục số 01

**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI HỒNG PHONG  
I, XÃ HỒNG PHONG VÀ XÃ PHÚ XÁ, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày /6/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu $3^{\circ}$ )		Khu vực/ Diện tích
	X (m)	Y (m)	
2	2424 454.25	440 330.84	Khu I 12,5 ha
3	2424 433.95	440 677.67	
4	2424 698.79	440 625.42	
12	2424 879.78	440 623.52	
13	2424 858.71	440 478.93	
10	2424 724.15	440 306.32	
III	2423 517.79	439 888.92	Khu II 16,0 ha
IV	2423 752.72	439 805.46	
V	2423 838.70	439 834.59	
VI	2424 126.01	440 193.42	
XIII	2424 085.21	440 234.05	
XIV	2423 518.26	440 112.71	
XV	2423 463.42	439 998.70	
<b>Tổng diện tích: 28,5 ha</b>			

Số: 29 /HP-BCKS

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

#### I/ Phản chung:

1. Tổ chức được phép khai thác: Công ty TNHH Hồng Phong
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
3. Địa chỉ: Số 66B – Đường Văn Vĩ – Khối Đại Thắng – Phường Chi Lăng – TP. Lạng Sơn – tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253 866 999      Fax: 0253 866 618

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
  - Họ và tên: Trần Văn Dũng
  - Sinh năm: 1959
  - Chức danh: Tổng Giám đốc
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số: 291/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2010.

- Loại khoáng sản được phép khai thác: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Cơ quan cấp phép: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Vị trí mỏ: Thuộc xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;
- Diện tích khu vực khai thác: 55,2 ha;
- Độ cao khai thác: đến mức +265m đến +390m;
- Trữ lượng được phép khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất: 38.940.804 m<sup>3</sup>;
  - + Trữ lượng khai thác: 29.916.672 m<sup>3</sup>;
- Công suất được phép khai thác: 840.000 m<sup>3</sup>/năm;
- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 02/2010 đến tháng 02/2040).

## **II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản:**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác từng năm**

Năm	Sản lượng (m <sup>3</sup> )
Từ khi cấp phép đến 31/12/2013	607.976,07
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	236.473,3
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	278.905,3
Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	319.645,3
Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	88.437,97
Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	169.690,45
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.701.128,49</b>

### **II.2. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 85.773.606.000 VND
  2. Tổng vốn đã đầu tư đến hiện tại: 75.000.000.000 VND
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: 275.473.000 (VND).
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (tháng 1/2018) đến thời điểm báo cáo (tháng 12 năm 2018): 250.292,3 m<sup>3</sup>
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: 55.000 đồng/m<sup>3</sup>
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế 15%/thực tế 17%
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào tuyển: 250.292,3 m<sup>3</sup>
    - Khối lượng khoáng sản sau tuyển: 250.292,3 m<sup>3</sup>
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm: không.
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): Không có
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: 208.577,9 m<sup>3</sup>
  10. Tổng doanh thu: 23.156.181.877 (VNĐ);
  11. Nộp ngân sách nhà nước: 10.277.006.745 (VNĐ);
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: 3.866.531.410 đ
  - Thuế xuất khẩu khoáng sản: 0 đ
  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 3.495.120.696 đ
  - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: 969.655.190 đ
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp: 66.883.663 đ

**Khác:**

- Thuế GTGT: 2.440.084.107 đ

- Phí thuê đất: 314.561.920 đ

- Thuế môn bài: 6.000.000 đ

- Tiền cấp quyền KTTN nước: 7.923.000 đ

- Phí NN: 3.801.451

- Chậm nộp, phạt: 1.546.529.415 đ

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: 928.974.000 VNĐ;

13. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (từ tháng 2/2010) đến thời điểm báo cáo (tháng 12/2018): 1.701.128,49 m<sup>3</sup>

14. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản: Chưa có báo cáo tài chính.

15. Trữ lượng địa chất được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo: 28.215.543,51 m<sup>3</sup>

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo: 2.509.153,4 m<sup>3</sup>

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản: Không

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương) và thu nhập bình quân/năm: 53 người, trong đó 38 người là lao động địa phương; thu nhập bình quân 60.000.000/năm.

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...): Không

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ,...): Không

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác/ giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác: Thường xuyên tưới nước trên toàn bộ khu vực khai thác, chế biến và hệ thống đường giao thông nội bộ mỏ và đường kề cận mỏ, đặc biệt là vào những ngày nắng nóng;

22. Đánh giá chung:

- Mỏ đã thực hiện việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác theo đúng dự án đầu tư cải tạo đã được phê duyệt;

- Đánh giá về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế không có gì biến động so với tài liệu địa chất đã được phê duyệt.

- Công nghệ khai thác theo đúng thiết kế và được nhà nước khuyến khích, thiết bị khai thác tương đối hiện đại, mới tuy nhiên sản lượng còn thấp do nhu cầu thị trường thấp, điều kiện làm việc cho người lao động tương đối an toàn...

### **III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo.**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
2. Thời gian khai thác: 21 năm;
3. Sản lượng khai thác:
  - Từ năm thứ 1 đến năm thứ 20: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm tương đương 781.750 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm.
  - Từ năm thứ 21 đến kết thúc mỏ: 497.634 m<sup>3</sup> tương đương 734.010 m<sup>3</sup> đá nguyên khai.

### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

Trên đây là báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty tính từ thời điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy phép khai thác. Công ty xin được báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, đồng thời kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn sớm xem xét hồ sơ xin điều chỉnh Giấy phép khai thác của mỏ đá vôi Hồng Phong 1, giúp Công ty ổn định sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

*Công ty TNHH Hồng Phong kính báo cáo./.*

#### **Nơi nhận:**

- Nhu trên;
- Lưu: VT.



*Trần Văn Dũng*

Số: 196 /GM-STNMT

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 5 năm 2019



lời ký: Sở Tài nguyên và  
trường  
ill:  
nt@langson.gov.vn  
quan: Tỉnh Lạng Sơn  
i gian ký: 06.05.2019

## GIẤY MỜI

### Về việc kiểm tra thực địa khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Để có cơ sở trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hang Cao, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng; mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra thực địa với thành phần, thời gian, địa điểm và nội dung như sau:

#### 1. Thành phần:

- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Đại diện các Sở: Xây dựng; Công Thương;
- Đại diện UBND huyện Hữu Lũng;
- Đại diện Lãnh đạo UBND xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng;
- Đại diện UBND huyện Cao Lộc;
- Đại diện Lãnh đạo UBND xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc;

- Giám đốc Công ty TNHH Hồng Phong; Công ty cổ phần Trường Sơn Lạng Sơn (Đề nghị Doanh nghiệp mời Đơn vị tư vấn tham gia).

#### 2. Thời gian, địa điểm:

- **Buổi sáng:** 8 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2019. Tập trung tại trụ sở UBND xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (Đề nghị UBND xã Hồng Phong bố trí giúp phòng họp).

- **Buổi chiều:** 14 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2019. Tập trung tại trụ sở UBND xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (Đề nghị UBND xã Đồng Tân bố trí giúp phòng họp).

**3. Nội dung:** Kiểm tra thực địa vị trí đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hang Cao, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng; mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc (*Có bản đồ khu vực đề nghị điều chỉnh phép kèm theo*).

Đề nghị đồng chí đại diện các cơ quan trên địa bàn thành phố Lạng Sơn có mặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường lúc 7 giờ 00 phút cùng ngày để cùng đi xe chung. Điện thoại liên hệ Phòng Khoáng sản 02053 717 542.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng kính mời các đồng chí đến dự họp./.

#### Nơi nhận:

- Như thành phần mời;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở (bố trí xe);
- Trung tâm thông tin Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, NKS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

đã ký

**Nguyễn Đình Duyệt**

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

### Kiểm tra thực địa khu vực đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc

Để có cơ sở xem xét đề nghị của Công ty TNHH Hồng Phong, hôm nay vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND huyện Cao Lộc, UBND xã Hồng Phong và xã Phú Xá kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan đến khu vực đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồng Phong I.

#### I. Tham gia kiểm tra thực địa gồm:

##### 1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn:

- Ông: Lương Văn Nhất - Phó Trưởng phòng QLTT&KS.
- Ông: Đinh Hoàng Nguyên - Chuyên viên phòng QLTT&KS.

##### 2. Đại diện Sở Xây dựng Lạng Sơn:

- Ông: Đồng Tuấn Huy - Chuyên viên phòng KT-VLXD.

##### 3. Đại diện Sở Công Thương Lạng Sơn:

- Ông: Trần Quang Khoát - Chuyên viên phòng KTAT&MT.

##### 4. Đại diện UBND huyện Cao Lộc: (có mời nhưng vắng mặt)

##### 5. Đại diện UBND xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc.

- Ông: Hoàng Văn Huân - Chủ tịch UBND xã.

##### 6. Đại diện UBND xã Phú Xá, huyện Cao Lộc.

- Ông: Lâm Văn Then - Chủ tịch UBND xã.

##### 7. Đại diện Công ty TNHH Hồng Phong:

- Ông: Nguyễn Thanh Trường - Phó Tổng giám đốc Công ty.

##### 8. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn mỏ MICC:

- Ông: Nguyễn Đức Liên - Giám đốc Công ty

#### II. Kết quả kiểm tra như sau:

##### 1. Vị trí:

- Mỏ đá Hồng Phong I mà Công ty TNHH Hồng Phong đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích 55,2 ha, trong đó: Khu 1 có diện tích là 23,5 ha; Khu 2 có diện tích là 31,7 ha.

- Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS cho thấy khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác có diện tích là 28,5 ha, trong đó:

+ Khu I có diện tích 12,5 ha được giới hạn trên nền bản đồ địa hình bởi các điểm khép góc 2, 3, 4, 12, 13, 10 theo hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trục  $107^{\circ}15'$  mũi chiếu  $3^{\circ}$ .

+ Khu II có diện tích 16,0 ha được giới hạn trên nền bản đồ địa hình bởi các điểm khép góc III, IV, V, VI, XIII, XIV, XV theo hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trục  $107^{\circ}15'$  mũi chiếu  $3^{\circ}$ .

Phù hợp với địa hình trên bản đồ khu vực khai thác tỷ lệ 1/2.000 hệ VN-2000 trong hồ sơ, nằm trong diện tích 55,2 ha đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh; Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 UBND tỉnh.

**2. Loại khoáng sản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác:** Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

**3. Các vấn đề liên quan đến khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác:**

- Có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; nằm trong khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 07/7/2017; thuộc thẩm quyền điều chỉnh phép khai thác của UBND tỉnh.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác đã được UBND tỉnh xác nhận tại Công văn số 109/UBND-KTN ngày 06/02/2018.

- Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số 7841047242, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22/8/2018.

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án: Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 22/02/2019.

**4. Các vấn đề liên quan khác nếu được điều chỉnh giấy phép khai thác:**

- Trong quá trình khai thác nếu có dấu hiệu, phát hiện mới về di chỉ khảo cổ, di vật, cổ vật và loại khoáng sản khác phải dừng ngay mọi hoạt động khai thác để bảo vệ và bảo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Phối hợp tốt với chính quyền địa phương làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thu hút lao động địa phương, giữ gìn an ninh trật tự khu vực.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo và phục hồi môi trường; Lập lại thiết kế mỏ phù hợp với trữ lượng, công suất, diện tích đã điều chỉnh.

- Thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ký quỹ cải tạo, phục

hồi môi trường, thuê đất hoạt động khoáng sản theo quy định, khai thác đúng vị trí, ranh giới được cấp phép, thiết kế mỏ được phê duyệt; đảm bảo an toàn lao động, thực hiện đúng quy định của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và pháp luật về đầu tư xây dựng; cấm mốc ranh giới khu vực mỏ.

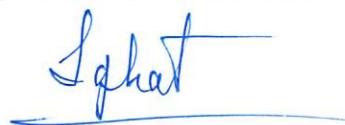
- Cam kết với chính quyền địa phương về sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng thiết kế của hệ thống đường giao thông trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông hàng năm.

### III. Kết luận:

Cuộc họp thống nhất điểm mỏ đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cho Công ty TNHH Hồng Phong.

Biên bản được lập, hoàn thành vào hồi 11 giờ cùng ngày và đã được các thành viên trong đoàn kiểm tra nhất trí thông qua./.

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



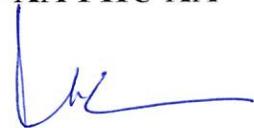
Lương Văn Nhất

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ XÂY DỰNG**



Đồng Tuấn Huy

**ĐẠI DIỆN**  
**UBND XÃ PHÚ XÁ**



Lâm Văn Then

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**



Trần Quang Khoát

**ĐẠI DIỆN**  
**UBND XÃ HỒNG PHONG**



Hoàng Văn Huấn

**ĐẠI DIỆN**  
**CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG**



Nguyễn Thanh Trường

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung dự án  
Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá  
Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá huyện Cao Lộc

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 4,5.....

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-STNMT ngày 15/02/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH Hồng Phong như sau:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Tháo dỡ các hạng mục công trình trên mặt bằng sân công nghiệp, cải tạo mặt tầng, đáy khai trường, san gạt, phủ đất màu, trồng cây xanh và củng cố tuyến đường vận chuyển.

2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

a) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 2.194.546.000 VNĐ (*hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

b) Số lần ký quỹ: 21 lần.

+ Lần 1, số tiền: 329.182.000 VNĐ (*ba trăm hai mươi chín triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

+ Lần thứ 2 đến lần thứ 21, số tiền: 93.268.000 VNĐ (*chín mươi ba triệu,*

*hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).* Thời điểm ký quý lần thứ hai trả đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

c) Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá năm 2019 (*năm phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường*). Khi tiến hành nộp tiền ký quỹ hàng năm cần tính toán đến yếu tố trượt giá theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tuân thủ những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Lập hồ sơ hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung gửi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận sau khi đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được phê duyệt.

**Điều 3.** Công ty TNHH Hồng Phong phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 4.** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty TNHH Hồng Phong.

**Điều 5.** Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được phê duyệt, Công ty TNHH Hồng Phong phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 6.** Uy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này. Ký xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa của Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được phê duyệt.

**Điều 7.** Quyết định này thay thế các nội dung về dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 08/6/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án Đầu tư Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong I và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03b);
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn;
- UBND huyện Cao Lộc;
- UBND các xã Hồng Phong, Phú Xá, huyện Cao Lộc;
- Công ty TNHH Hồng Phong;
- C, PCVP UBND tỉnh.
- Các phòng: KTN, TH, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN(NN) *10*



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Thưởng**

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 291 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 02 năm 2010

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**Mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá,  
huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-UB-KT ngày 7/5/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án mỏ khai thác đá Hồng Phong - Cao Lộc - Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000188, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hồng Phong;

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường số 15/CV- HP ngày 07/02/2010 của Công ty TNHH Hồng Phong;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 52/TTr - TNMT ngày 09 tháng 02 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Hồng Phong được phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác là 55,2 ha trong đó:

+ Khu 1 có diện tích là 23,5 được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 11 có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

+ Khu 2 có diện tích là 31,7 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 12 có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

- Trữ lượng mỏ: 29.916.672 m<sup>3</sup>

- Công suất khai thác: 840.000 m<sup>3</sup>/năm

- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 02/2010 đến tháng 02/2040).

- Loại khoáng sản: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

**Điều 2.** Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm:

1. Nộp Lệ phí giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

2. Hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan.

3. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, có phát hiện mới về khoáng sản khác phải thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

4. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khu vực. Bảo vệ đường giao thông khu vực khai thác và vùng phụ cận liên quan, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

5. Thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 7/5/2001 và phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung để phù hợp với công suất khai thác theo từng giai đoạn của dự án đã được phê duyệt.

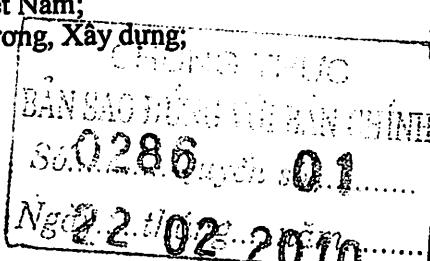
6. Thực hiện đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Mọi hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty TNHH Hồng Phong đã thông báo kế hoạch khai thác, ký quỹ môi trường, hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

**Điều 4.** Công ty TNHH Hồng Phong, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc, Chủ tịch UBND xã Hồng Phong, Chủ tịch UBND xã Phú Xá và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận: 15*

- Như Điều 4;
- CT, PCT Nguyễn Văn Bình;
- Cục ĐC & KS Việt Nam;
- Các Sở: Công Thương, Xây dựng;
- CVP, DN, TH;
- Lưu: VT. (OH).



TM. HỘ KHẨU NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bình

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước  
tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

Số đăng ký : .....11..... ĐK/KT.

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 02 năm 2010

UBND PHƯỜNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN

PHÓ CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Vinh

Hồ Công Khanh

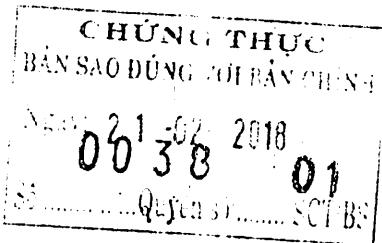
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 109 /UBND-KTN

V/v xác nhận trữ lượng khoáng sản  
được phép đưa vào thiết kế khai thác  
mỏ đá vôi Hồng Phong I.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Hồng Phong.

Xem xét Công văn số 146/STNMT-KS ngày 02/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác trong khu vực điều chỉnh giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, UBND tỉnh xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I như sau:

1. Diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác và trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 28,5 ha (trong đó khu 1 có diện tích 12,5 ha; Khu 2 có diện tích 16 ha) nằm trong diện tích 55,2 ha đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh.

2. Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường được phép đưa vào thiết kế khai thác trong khu vực điều chỉnh, cấp 121 và 122 là 21.590.880,97 m<sup>3</sup>, trong đó cấp 121 là 7.996.757,1 m<sup>3</sup>, cấp 122 là 13.594.123,87 m<sup>3</sup> (trữ lượng khoáng sản tính đến ngày 01/01/2017).

- Mức sâu thấp nhất khôi trữ lượng: + 265 m
- Tổng trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác đạt 55,45% tổng trữ lượng khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Trữ lượng khoáng sản được xác nhận nêu trên là căn cứ để xem xét, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, XD, CT;
- C,PVP UBND tỉnh;
- các phòng TH, KTN;
- Lưu: VT, KTN(NV).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Ly Vinh Quang*

*Đ/c: 109/UBND-KTN*  
*Thứ trưởng*  
*Nguyễn Văn Phong*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hồng Phong.

Trụ sở tại: Thôn Tèn Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.866.999

Được phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

*1/ Nội dung điều chỉnh 1: Diện tích khu vực khai thác*

- Nội dung đã quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, diện tích khu vực khai thác: 55,2 ha; Trong đó:

+ Khu 1 có diện tích: 23,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 31,7 ha.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 28,5 ha; Trong đó bao gồm:

+ Khu 1 có diện tích: 12,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 16 ha.

- Lý do điều chỉnh: Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác đáp ứng năng lực đầu tư, nhu cầu khai thác của chủ dự án, qua đó nâng cao hiệu quả của Dự án.

*2/ Nội dung điều chỉnh 2: Trữ lượng địa chất*

- Trữ lượng mỏ (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 29.916.672 m<sup>3</sup>;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 21.590.880,97 m<sup>3</sup> (Theo Văn bản số 109/UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I).

- Lý do điều chỉnh: Do cắt giảm diện tích khu vực khai thác.

*3/ Nội dung điều chỉnh 3: Công suất khai thác*

- Công suất khai thác (Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 840.000 m<sup>3</sup> (đá nguyên khôi)/năm;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:

+ Trong 20 năm đầu: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khôi/năm, kể từ ngày điều chỉnh GPKT;

+ Năm thứ 21: 497.634 m<sup>3</sup> đá nguyên khôi/năm.

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm công suất khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, năng lực của Chủ đầu tư và nâng cao hiệu quả Dự án.

*4/ Nội dung điều chỉnh 4: Trữ lượng khai thác*

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

- Lý do điều chỉnh: Bổ sung tính toán lại trên cơ sở công suất thiết kế điều chỉnh và tuổi thọ còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010.

Công ty TNHH Hồng Phong cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Dũng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**DON ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hồng Phong.

Trụ sở tại: Thôn Tèn Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.866.999

Được phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

*1/ Nội dung điều chỉnh 1: Diện tích khu vực khai thác*

- Nội dung đã quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, diện tích khu vực khai thác: 55,2 ha; Trong đó:

+ Khu 1 có diện tích: 23,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 31,7 ha.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 28,5 ha; Trong đó bao gồm:

+ Khu 1 có diện tích: 12,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 16 ha.

- Lý do điều chỉnh: Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác đáp ứng năng lực đầu tư, nhu cầu khai thác của chủ dự án, qua đó nâng cao hiệu quả của Dự án.

*2/ Nội dung điều chỉnh 2: Trữ lượng địa chất*

- Trữ lượng mỏ (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn):  $29.916.672 \text{ m}^3$ ;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:  $21.590.880,97 \text{ m}^3$  (Theo Văn bản số 109/UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I).

- Lý do điều chỉnh: Do cắt giảm diện tích khu vực khai thác.

*3/ Nội dung điều chỉnh 3: Công suất khai thác*

- Công suất khai thác (Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 840.000 m<sup>3</sup> (đá nguyên khối)/năm;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:

+ Trong 20 năm đầu: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, kể từ ngày điều chỉnh GPKT;

+ Năm thứ 21: 497.634 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm công suất khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, năng lực của Chủ đầu tư và nâng cao hiệu quả Dự án.

*4/ Nội dung điều chỉnh 4: Trữ lượng khai thác*

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

- Lý do điều chỉnh: Bổ sung tính toán lại trên cơ sở công suất thiết kế điều chỉnh và tuổi thọ còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010.

Công ty TNHH Hồng Phong cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Văn Dũng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn  
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hồng Phong.

Trụ sở tại: Thôn Tènh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.866.999

Được phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

*1/ Nội dung điều chỉnh 1: Diện tích khu vực khai thác*

- Nội dung đã quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, diện tích khu vực khai thác: 55,2 ha; Trong đó:

+ Khu 1 có diện tích: 23,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 31,7 ha.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 28,5 ha; Trong đó bao gồm:

+ Khu 1 có diện tích: 12,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 16 ha.

- Lý do điều chỉnh: Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác đáp ứng năng lực đầu tư, nhu cầu khai thác của chủ dự án, qua đó nâng cao hiệu quả của Dự án.

*2/ Nội dung điều chỉnh 2: Trữ lượng địa chất*

- Trữ lượng mỏ (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn):  $29.916.672 \text{ m}^3$ ;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:  $21.590.880,97 \text{ m}^3$  (Theo Văn bản số 109/UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I).

- Lý do điều chỉnh: Do cắt giảm diện tích khu vực khai thác.

### 3/ Nội dung điều chỉnh 3: Công suất khai thác

- Công suất khai thác (Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 840.000 m<sup>3</sup> (đá nguyên khối)/năm;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:

+ Trong 20 năm đầu: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, kể từ ngày điều chỉnh GPKT;

+ Năm thứ 21: 497.634 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm công suất khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, năng lực của Chủ đầu tư và nâng cao hiệu quả Dự án.

### 4/ Nội dung điều chỉnh 4: Trữ lượng khai thác

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

- Lý do điều chỉnh: Bổ sung tính toán lại trên cơ sở công suất thiết kế điều chỉnh và tuổi thọ còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010.

Công ty TNHH Hồng Phong cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Dũng*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 1042 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Lạng Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong I,  
xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đơn đề ngày 11/4/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, nộp ngày 18/4/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 29/5/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung Điều 1 của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hồng Phong khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 28,5 ha; trong đó: Khu I diện tích 12,5 ha; Khu II diện tích 16,0 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 21.590.880,97 m<sup>3</sup> (trữ lượng khoáng sản tính đến ngày 01/01/2017). Mức sâu khai thác: + 265 m.

3. Trữ lượng khai thác: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

4. Công suất khai thác: 530.000 m<sup>3</sup>/năm.

**Điều 2.** Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh và nội dung Quyết định này.
2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc, Chủ tịch UBND xã Hồng Phong, Chủ tịch UBND xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hồng Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Noi nhận:*

- Như Điều 4;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03 bản);
- PCVP, các phòng: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN (NNT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Tiến Thiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Phụ lục số 01

**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI HỒNG PHONG  
I, XÃ HỒNG PHONG VÀ XÃ PHÚ XÁ, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày /6/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu $3^{\circ}$ )		Khu vực/ Diện tích
	X (m)	Y (m)	
2	2424 454.25	440 330.84	Khu I 12,5 ha
3	2424 433.95	440 677.67	
4	2424 698.79	440 625.42	
12	2424 879.78	440 623.52	
13	2424 858.71	440 478.93	
10	2424 724.15	440 306.32	
III	2423 517.79	439 888.92	Khu II 16,0 ha
IV	2423 752.72	439 805.46	
V	2423 838.70	439 834.59	
VI	2424 126.01	440 193.42	
XIII	2424 085.21	440 234.05	
XIV	2423 518.26	440 112.71	
XV	2423 463.42	439 998.70	
Tổng diện tích: 28,5 ha			

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 437 /UBND-KGVX

V/v thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh



Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Công văn số 2887/VPCP-KSTT ngày 09/4/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số trên Trục liên thông văn bản quốc gia. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị:

1. Thực hiện ký số tất cả các văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản nội tỉnh (trừ văn bản mật) giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và văn bản gửi đi các Bộ, ban, ngành Trung ương gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Thí điểm không gửi văn bản giấy đối với các văn bản điện tử đã ký số (theo Danh mục gửi kèm tại Phụ lục I).

Thời gian thực hiện thí điểm từ ngày 16/5/2019 đến hết ngày 15/6/2019.

Báo cáo đánh giá tình hình gửi, nhận văn bản điện tử và thực hiện thí điểm gửi, nhận văn bản điện tử có ký số tại cơ quan, đơn vị thay văn bản giấy về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 15/6/2019 (tính đến thời điểm thực hiện, xây dựng báo cáo).

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm văn phòng điện tử của UBND tỉnh (eOffice) thực hiện các giải pháp kỹ thuật kết nối liên thông bảo đảm gửi, nhận văn bản điện tử ký số giữa các cơ quan, đơn vị đang sử dụng phần mềm eOffice với các Bộ, ban, ngành Trung ương trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Viễn thông Lạng Sơn thực hiện các giải pháp kỹ thuật kết nối liên thông hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử VNPT-iOffice gửi, nhận văn bản điện tử ký số giữa các cơ quan, đơn vị đang sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử VNPT-iOffice với các Bộ, ban, ngành Trung ương trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Kịp thời hỗ trợ các cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu hỗ trợ ký số trên văn bản điện tử; tổng hợp kết quả thí điểm, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 18/6/2019.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

*Noi nhậm:*

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh,  
các Phòng CM, HC-QT, TH-CB, TT PVHCC;
- Lưu: VT, KGVX(LHH).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Hải**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC LOẠI VĂN BẢN THÍ ĐIỂM**  
**GỬI, NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ CÓ KÝ SỐ**  
*(Kèm theo công văn số /UBND-KGVX ngày /5/2019 của UBND tỉnh)*

STT	TÊN VĂN BẢN
1	Văn bản hành chính của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh
2	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị
3	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Quy chế
5	Quy định
6	Thông báo
7	Hướng dẫn
8	Kế hoạch
9	Đề án
10	Dự án
11	Báo cáo
12	Tờ trình
13	Công văn
14	Công điện
15	Giấy mời
16	Phiếu gửi
17	Phiếu chuyển



35120119040100

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 4 năm 2019

## GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ: 35120119040100

(Liên 1: Lưu)

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Nguyễn Duy Nam

Đã tiếp nhận hồ sơ của: Công ty TNHH Hồng Phong

Địa chỉ: Số 66B, đường Văn Vị, Khối Đại Thắng, Phường Chí Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại: 0943129888 Email: info@hongphong.vn

Nội dung yêu cầu giải quyết: Hồ sơ xin điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Hồng Phong

1. Thành phần hồ sơ nộp gồm:

- báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường (1 Bản)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. (1 Bản)
- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (1 Bản)
- Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (1 Bản)
- Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt (1 Bản)
- Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (1 Bản)
- Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản
- Giấy phép khai thác khoáng sản
- Hợp đồng thuê đất
- Văn bản xác nhận trữ lượng của UBND tỉnh
- Báo cáo tài chính

2. Số lượng hồ sơ: 1

3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định: 36 ngày

4. Ngày nhận hồ sơ: 18/04/2019

5. Ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ: 11/06/2019

6. Đăng ký nhận kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Lạng Sơn

Vào số theo dõi, Quyền số: ....03..... Số thứ tự: ..6.....

Người nộp hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Duy Nam

Người tiếp nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Duy Nam

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
BỘ PHẬN TN VÀ TKQ

SỐ: 35120119040100/KSGQHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 04 năm 2019

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Hồ sơ xin điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Hồng Phong

- Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và khoáng sản
- Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:
- Tên người nộp: Nguyễn Thanh Trường
- Địa chỉ: Số 66B, đường Văn Ví, Khối Đại Thắng, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
- Điện thoại: 0943129888
- Ngày giờ tiếp nhận: 18/04/2019 09:43:13, ngày giờ hẹn trả: 11/06/2019 09:43:13

Tên cơ quan	Thời gian giao, nhận hồ sơ	KQ giải quyết	Ghi chú
1.Giao: Bộ phận TN và TKQ Sở Tài Nguyên và Môi trường 2.Nhận: Phòng Tài nguyên nước và khoáng sản	09 giờ 45 phút, ngày 18 tháng 4 năm 2019 Người giao (Ký, họ tên) <i>Nguyễn Thị</i> Người nhận (Ký, họ tên) <i>Linh</i> .....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ (1 ngày làm việc)	
1.Giao: Phòng Tài nguyên nước và khoáng sản 2.Nhận: Bộ phận TN và TKQ UBND tỉnh	Người giao (Ký, họ tên) <i>Linh</i> Người nhận (Ký, họ tên) <i>Đinh Hoàn Nguyễn</i> .....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	Phản công thu lý hồ sơ (2 ngày làm việc)	
1.Giao: Bộ phận TN và TKQ UBND tỉnh 2.Nhận: Phòng Kinh tế ngành	Người giao (Ký, họ tên) <i>Đinh Hoàn Nguyễn</i> Người nhận (Ký, họ tên) <i>Linh</i> .....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	xem xét thẩm định (26 ngày làm việc)	
1.Giao: Phòng Kinh tế ngành 2.Nhận: Bộ phận TN và TKQ UBND tỉnh	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	Xử lý liên thông (1 ngày làm việc)	
1.Giao: Bộ phận TN và TKQ UBND tỉnh 2.Nhận: Bộ phận TN và TKQ Sở Tài Nguyên và Môi trường	Người giao (Ký, họ tên) <i>Đinh Hoàn Nguyễn</i> Người nhận (Ký, họ tên) <i>Linh</i> .....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	Xử lý liên thông (5 ngày làm việc)	
1.Giao: Bộ phận TN và TKQ Sở Tài Nguyên và Môi trường 2.Nhận: Tổ chức, cá nhân	Người giao (Ký, họ tên) <i>Đinh Hoàn Nguyễn</i> Người nhận (Ký, họ tên) <i>Linh</i> .....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....	Chuyển kết quả lại cho Sở (1 ngày làm việc)	
		Tra kết quả cho tổ chức, cá nhân (Không tính thời gian)	

Số: 189 /TT-UBND

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 2019



Người ký: Sở Tài  
nguyên và Môi trường  
Email:  
sttmt@langson.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Lang  
Sơn  
Thời gian ký:  
29.05.2019 14:22:18  
10:00

## TỜ TRÌNH

### Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hồng Phong;

Căn cứ Giấy xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I số 109/UBND-KTN ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Xét đơn đề ngày 11/4/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 18/4/2019;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

Công ty TNHH Hồng Phong có trụ sở chính tại thôn Tènh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4900100332 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/08/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010, với thời hạn khai thác 30 năm (từ tháng 02/2010 đến tháng 02/2040), trữ lượng mỏ 29.916.672 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 840.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm; Theo Báo cáo số 29/HP-BCKS ngày 17/04/2019 của Công ty, sau khi được cấp giấy phép khai thác công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản mỏ, đưa mỏ vào khai thác. Tuy nhiên, do trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác, số tiền cấp quyền khai thác phải nộp hàng

năm quá lớn và không phù hợp với sản lượng khai thác thực tế, vì vậy Công ty đã lập hồ sơ đề nghị được điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ với nội dung:

- Điều chỉnh diện tích khai thác tại Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 từ 55,2 ha xuống còn 28,5 ha. Trong đó:

- + Khu 1 điều chỉnh diện tích từ 23,5 ha xuống còn 12,5 ha;
- + Khu 2 điều chỉnh diện tích từ 31,7 ha xuống còn 16,0 ha.

- Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác tại Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 từ 38.840.804 m<sup>3</sup> xuống còn 21.590.880,97 m<sup>3</sup>.

- Điều chỉnh trữ lượng khai thác tại Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 từ 29.916.672 m<sup>3</sup> xuống 11.097.634 m<sup>3</sup>.

- Điều chỉnh Công suất khai thác tại Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 từ 840.000 m<sup>3</sup>/năm xuống 530.000 m<sup>3</sup>/năm.

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản được lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đề ngày 11/4/2019.

- Bản sao Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; Giấy xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I số 109/UBND-KTN ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc; Quyết định số 28/QĐ-HP ngày 11/4/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khai thi đầu tư xây dựng công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 7841047242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 22/8/2018.

- Bản sao Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung kèm theo Quyết định số 374/QĐUBND ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc.

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản số 29/HP-BCKS ngày 17/04/2019.

Khu vực điều chỉnh diện tích khai thác có diện tích 28,5 ha, nằm trong diện tích 55,2 ha đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng tại Quyết định

số 1722/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh; Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND huyện Cao Lộc và UBND xã Hồng Phong và xã Phú Xá kiểm tra thực địa ngày 10/5/2019, xác định khu vực mỏ có đủ điều kiện trình UBND tỉnh điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

Liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan đến Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh; Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định: “*Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác nào là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đó. Quyết định điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản là văn bản pháp lý không tách rời với Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó*”;

Từ những nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hồng Phong khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn như sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 28,5 ha; trong đó: Khu I diện tích 12,5 ha; Khu II diện tích 16,0 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trục  $107^{\circ}15'$  mũi chiếu  $3^{\circ}$  theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 21.590.880,97 m<sup>3</sup> (trữ lượng khoáng sản tính đến ngày 01/01/2017); Mức sâu khai thác: + 265 m.

- Trữ lượng khai thác: 11.097.634 m<sup>3</sup>
- Công suất khai thác: 530.000 m<sup>3</sup>/năm.

2. Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh và Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND này.

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi:
- Lãnh đạo Sở:
- Công ty TNHH Hồng Phong:
- Lưu: VT, NKS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

đã ký

**Nguyễn Đình Duyệt**

**PHỤ LỤC**  
**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI HỒNG**  
**PHONG I, XÃ HỒNG PHONG VÀ XÃ PHÚ XÁ, HUYỆN CAO LỘC,**  
**TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Tờ trình số 189 /TTr-STNMT ngày 29/5/2019  
 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN2000</b> (Kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu $3^{\circ}$ )		<b>Khu vực/ Diện tích</b>
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>	
2	2424 454.25	440 330.84	Khu 1 12,5 ha
3	2424 433.95	440 677.67	
4	2424 698.79	440 625.42	
12	2424 879.78	440 623.52	
13	2424 858.71	440 478.93	
10	2424 724.15	440 306.32	
III	2423 517.79	439 888.92	Khu 2 16,0 ha
IV	2423 752.72	439 805.46	
V	2423 838.70	439 834.59	
VI	2424 126.01	440 193.42	
XIII	2424 085.21	440 234.05	
XIV	2423 518.26	440 112.71	
XV	2423 463.42	439 998.70	
<b>Tổng diện tích: 28,5 ha</b>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hồng Phong.

Trụ sở tại: Thôn Tènh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.866.999

Được phép khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

*1/ Nội dung điều chỉnh 1: Diện tích khu vực khai thác*

- Nội dung đã quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, diện tích khu vực khai thác: 55,2 ha; Trong đó:

+ Khu 1 có diện tích: 23,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 31,7 ha.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 28,5 ha; Trong đó bao gồm:

+ Khu 1 có diện tích: 12,5 ha;

+ Khu 2 có diện tích: 16 ha.

- Lý do điều chỉnh: Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác đáp ứng năng lực đầu tư, nhu cầu khai thác của chủ dự án, qua đó nâng cao hiệu quả của Dự án.

*2/ Nội dung điều chỉnh 2: Trữ lượng địa chất*

- Trữ lượng mỏ (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 29.916.672 m<sup>3</sup>;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 21.590.880,97 m<sup>3</sup> (Theo Văn bản số 109/UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong I).

- Lý do điều chỉnh: Do cắt giảm diện tích khu vực khai thác.

### 3/ Nội dung điều chỉnh 3: Công suất khai thác

- Công suất khai thác (Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn): 840.000 m<sup>3</sup> (đá nguyên khối)/năm;

- Nay đề nghị điều chỉnh thành:

+ Trong 20 năm đầu: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, kể từ ngày điều chỉnh GPKT;

+ Năm thứ 21: 497.634 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm công suất khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, năng lực của Chủ đầu tư và nâng cao hiệu quả Dự án.

### 4/ Nội dung điều chỉnh 4: Trữ lượng khai thác

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: 11.097.634 m<sup>3</sup>.

- Lý do điều chỉnh: Bổ sung tính toán lại trên cơ sở công suất thiết kế điều chỉnh và tuổi thọ còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010.

Công ty TNHH Hồng Phong cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Dũng*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7841047242

Chứng nhận lần đầu: ngày 12 tháng 01 năm 2010. Quyết số: 01/2010/QĐ-UBND

Chứng nhận thay đổi lần thứ: 01 ngày 12 tháng 9 năm 2016.

Chứng nhận thay đổi lần thứ: 02 ngày 22 tháng 8 năm 2018.



Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7841047242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 12/9/2016;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá Hồng Phong I và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Hồng Phong,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁI TẠO, MỞ RỘNG MỎ ĐÁ HỒNG PHONG I; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7841047242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 12/9/2016;

Được đăng ký điều chỉnh: Điều chỉnh tên dự án, quy mô công suất, diện tích đất dự kiến sử dụng, tổng vốn đầu tư và thời hạn hoạt động của dự án.

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100332 đăng ký lần đầu ngày 10/8/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16/01/2018 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 02053.866999.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Trần Văn Dũng; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày 12/12/1959 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

- Chứng minh nhân dân số: 080688754 Ngày cấp: 07/3/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 226, khu tái định cư Phai Luông, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1:** Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

a) Mục tiêu đầu tư: cải tạo, mở rộng, sử dụng công nghệ tận thu tối đa tài nguyên nhằm duy trì và nâng cao sản lượng mỏ; đổi mới công nghệ, đảm bảo an toàn trong khai thác chế biến đá, nâng cao năng suất, chất lượng, chủng loại sản phẩm, giảm giá thành, giảm ô nhiễm môi trường; phục vụ cho nhu cầu xây dựng dân dụng, giao thông, thuỷ lợi trong và ngoài tỉnh.

b) Quy mô dự án: Đầu tư khai thác đá vôi với công suất 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm tương đương 781.750 m<sup>3</sup> đá sản phẩm/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: các xã Hồng Phong, Phú Xá, Bình Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 35,2 ha. Trong đó: Diện tích khu vực phụ trợ: 6,7 ha; Khai trường khai thác: 28,5 ha.

4. Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:

a) Tổng vốn đầu tư: 99.197 triệu đồng.

b) Nguồn vốn: Thực hiện bằng vốn tự có và vay ngân hàng.

5. Thời hạn hoạt động dự án: 24 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 02.

6. Tiến độ xây dựng cơ bản mỏ: 12 tháng.

**Điều 2:** Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:



Lê Văn Thanh



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Quốc Zohay*  
UBND PHƯỜNG CHI LĂNG  
PHÓ CHỦ TỊCH



Làng Son/.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

tỉnh, một trong mỗi là Hồng Phong L..

01 ngày 12/9/2016 cho Công ty TNHH Hồng Phong thay đổi lần thứ Ba đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 12/9/2016 cho Công ty TNHH Hồng Phong thay đổi lần thứ Ba đầu tư cấp, chứng nhận đăng ký đầu tư số 7841047242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và

**Điều 3:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và truyqing không hợp đồng giao dịch này hiện dù án đầu tư theo quy định thi bị chấm hoài khống có khả năng影响力的 hiện dù án theo hiện dù đăng ký và không thay đổi hợp đồng không có khả năng影响力的 hiện dù án đầu tư theo quy định thi bị chấm hoài khống có khả năng影响力的 hiện dù án theo hiện dù đăng ký và không thay đổi hợp đồng không có khả năng影响力的 hiện dù án đầu tư.

3. Sau 12 (mười hai) tháng Công ty TNHH Hồng Phong không thay hiện dù hợp đồng không có tác dụng khi khu vực.

2. Cơ quan nhà nước thay hiện tot công tác trật tự, an ninh, đảm bảo an toàn xã hội, phong chong các tệ nạn xã hội trong khu vực.

1. Thay hiện bao vé mồi truyqing theo quy định của pháp luật, ký quy định phuc hoi moi truyqing, bao ve nguoion nung sinh hoat va san xuat cua nhien dan tren dia ban; bao ve, cam ket ho tro kinh phi duy tu, bao duong hang nam doi voi cong trinh giao thong trong khu vực voi UBND huyen Cao Loc uoc khi trien khai

Số: 28 /QĐ- HL

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 4 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

## CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Luật Khoáng sản số: 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Căn cứ Nghị định số số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn do Công ty TNHH Hồng Phong phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Mỏ lập với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hồng Phong.
3. Diện tích khu vực khai thác: 28,5 ha;
4. Tổng diện tích sử dụng đất: 35,2 ha;
5. Trữ lượng khai thác: 11.097.634 m<sup>3</sup>;
6. Công suất khai thác:
  - + Trong 20 năm đầu: 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, kể từ ngày điều chỉnh GPKT;

+ Năm thứ 21: 497.634 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.

Thời gian khai thác: 21 năm;

Công nghệ khai thác: Khai thác lộ thiên;

Tổng vốn đầu tư: 100.181 triệu đồng;

Nguồn vốn: Vốn tự có của doanh nghiệp và vốn vay.

**Điều 2:** Việc triển khai thực hiện:

1. Quản lý và tổ chức khai thác mỏ đúng phương án đã được phê duyệt và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong khu vực khai thác khoáng sản và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng, ban trong Doanh nghiệp và ông Giám đốc điều hành mỏ căn cứ Quyết định thi hành khi được phép của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản./.

*Nơi nhận:*

- Nhu điều 3;
- Lưu VP, KH

**CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Dũng*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ DẦU TƯ  
TỈNH LÂNG SON  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 4900100332

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 1993

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 28 tháng 08 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONGPHONG LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Tênh Chè, Xã Hồng Phong, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: (0205)3 866 999

Email: info@hongphong.vn

3. Vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng

Bảng chi tiết: Một trăm hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

Số	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ) và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Chữ chủ
1	CHU THỊ THẢO	Số 75, đường Trần Đăng Ninh, Phường Tân Thành, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	60.000.000.000	50,000	080941030	
2	TRẦN VĂN DŨNG	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	42.000.000.000	35,000	080688754	
3	HOÀNG THỊ XUÂN	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	9.000.000.000	7,500	080726712	

4	TRẦN NGỌC BÁU	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.800.000.000	1,500	080829484	
5	TRẦN THỊ CÚC	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.800.000.000	1,500	081025946	
6	TRẦN VĂN TIẾP	Số 226, Khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.800.000.000	1,500	151508371	
7	TRẦN THỊ NGỌC TÚ	Số 226, Khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.800.000.000	1,500	082219018	
8	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	Số 30, đường Văn Vi, Khối Hoàng Hoa Thám, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.800.000.000	1,500	082250303	

## 5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

\* Họ và tên: TRẦN VĂN DŨNG    Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1959     Dân tộc: Kinh    Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 080688754

Ngày cấp: 07/03/2013     Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 226, khu tái định cư Phai Luông, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



Vũ Thúy Nga

Số: 130/SXD-KT&VLXD  
V/v Thông báo kết quả thẩm định  
thiết kế cơ sở công trình khai thác  
đá vôi làm VLXDTT tại mỏ đá  
vôi Hồng Phong 1, xã Hồng  
Phong và xã Phú Xá, huyện Cao  
Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 01 năm 2019

KÔNG VĂN ĐỀN  
Số 28

Kính gửi: Công ty TNHH Hồng Phong

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình số 05/TTr-HP ngày 14/01/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong, đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn như sau:

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Hồng Phong.

4. Tên chủ đầu tư:

- Công ty TNHH Hồng Phong.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Tèn Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Hồng Phong, Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; diện tích đất dự kiến sử dụng 35,2 ha (*trong đó: Diện tích khai trường 28,5 ha; diện tích khu vực phụ trợ 6,7 ha*).

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 99.197,0 triệu đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay.

8. Thời gian hoạt động dự án: 24 năm.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- TCVN 5326:2008 - Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên.

- TCVN 5178:2004 - Quy phạm an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên.

- QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- QCVN 05:2012/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong khai thác chế biến đá.

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn Việt Nam về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản vận chuyển sử dụng và tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp kèm theo Quy chuẩn QCVN 02:2008/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu huỷ VLNCN.

- Các quy định về chế độ, đơn giá, định mức xây dựng hiện hành của Nhà nước và tỉnh Lạng Sơn.

10. Nhà thầu tư vấn lập thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần tư vấn Mỏ (*địa chỉ: P3+4/B2 Tập thể Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội*).

## II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

### 1. Văn bản pháp lý:

- Khi nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010 được điều chỉnh; Công ty có trách nhiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục thuê đất khu vực khai thác mỏ theo quy định.

4. Thiết kế cơ sở áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật Việt Nam hiện hành. Các giải pháp thiết kế cơ bản đáp ứng các yêu cầu tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế:

- Công ty có phần tư vấn mỏ có tư cách pháp lý, đủ điều kiện thực hiện công tác tư vấn thiết kế theo quy định.

- Năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế:

+ Cá nhân ký xác nhận chủ trì thiết kế (ông Dương Thanh Đông) có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công trình. Tuy nhiên, chúng chỉ hành nghề của cá nhân chủ trì thiết kế chưa có bản chứng thực làm cơ sở đổi chiếu (chứng chỉ hành nghề kèm theo hồ sơ năng lực là bản phô tô).

+ Chứng chỉ hành nghề của cá nhân ký xác nhận chủ nhiệm thiết kế (ông Nguyễn Đức Liên) chưa phù hợp với công trình (chỉ có chứng chỉ hành nghề "Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ" không có chứng chỉ hành nghề "thiết kế công trình khai thác mỏ").

6. Một số thiếu sót cần rà soát, bổ sung và chỉnh sửa:

6.1. Diện tích các công trình phụ trợ không nhất quán, cụ thể:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, diện tích khu vực phụ trợ là 6,7 ha.

- Theo thuyết minh dự án: Diện tích khu vực phụ trợ 7,0 ha.

6.2. Thuyết minh Thiết kế cơ sở:

- Tại mục 2 (trang 4) bổ sung đầy đủ thông tin về tài liệu cơ sở lập thiết kế như: Tài liệu khao sát thăm dò, Văn bản xác nhận trữ lượng, Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)...

- Mục 2.2, Chương 2 (trang 12) trữ lượng khai trường: Rà soát lại trữ lượng địa chất, cốt cao dày mỏ cho phù hợp với Văn bản xác nhận trữ lượng khoáng sản.

- Mục 3.1 Chương 3 (trang 15): Chỉnh sửa tên mỏ theo tên mỏ đã được xác định trong dự án (*thuyết minh ghi mỏ Lan Rào*).

- Chương 4, Mở via và trình tự khai thác: Yêu cầu tính toán khối lượng xây dựng cơ bản tại Khu II (bao gồm: *Tuyến đường mỏ mỏ, tạo diện khai thác đầu tiên...*).

- Tại trang 16 thể hiện việc thi công tuyến đường lên Khu II có các thông số dài, rộng nhưng chưa xác định diện tích sử dụng đất cụ thể.

- Tại chương 5, Hệ thống khai thác, yêu cầu bổ sung, làm rõ:

+ Các cơ sở, cách tính toán trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để xác định các thông số của hệ thống khai thác (tại *thuyết minh thiết kế cơ sở không trình bày cách tính toán, xác định các thông số của hệ thống khai thác*).

+ Hệ thống khai thác tại thuyết minh thiết kế cơ sở không thống nhất với bản vẽ thiết kế cơ sở: Theo thuyết minh TKCS chỉ xác định hệ thống khai thác theo lớp bằng, tuy nhiên tại Bản vẽ sơ đồ khai thác và các thông số khoan nổ mìn lại thể hiện hệ thống khai thác theo lớp bằng và hệ thống khai thác theo lớp xiên. Đồng thời các chỉ tiêu khoan nổ giữa thuyết minh thiết kế và bản vẽ không thống nhất về: Đường kháng chân tảng, khoảng cách lỗ khoan, chỉ tiêu thuốc nổ...

- Tại Mục 6.2, Chương 6 (trang 29):

+ Đề nghị chỉnh sửa công suất của mỏ, tỷ trọng của đá vôi trong cách xác định số lượng ô tô cần thiết (*thuyết minh lấy khối lượng vận tải 350.000 m<sup>3</sup>/năm và tỷ trọng của đá 2,69 tấn/m<sup>3</sup> để tính toán*).

+ Bổ sung hiện trạng đường giao thông trong mỏ: Chiều dài, thông số kỹ thuật chủ yếu.

- Chương 10, đề nghị bổ sung nội dung về cung cấp điện, thông tin liên lạc, kiến trúc xây dựng, cấp, thoát nước: Trong đó làm rõ các công trình hiện trạng, các công trình mới xây dựng cả 02 khu.

- Bổ sung bảng tổng hợp chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế cơ sở.

### 6.3. Bản vẽ thiết kế cơ sở:

- Tọa độ điểm gốc số XIII, Khu II tại Bản đồ vị trí và Bản đồ tổng mặt bằng không đúng với tọa độ thể hiện trong thuyết minh thiết kế cơ sở và thuyết minh dự án.

- Rà soát, chỉnh sửa bản vẽ kết thúc khai thác năm thứ 6: Hồ sơ có 02 bản đồ kết thúc khai thác năm thứ 6 và 02 bản vẽ thể hiện thiết kế khác nhau.

- Bản vẽ tuyến đường mỏ mỏ Khu II: Độ dốc dọc không đảm bảo theo quy định tại TCVN 5326:2008, cụ thể:

+ Theo thiết kế: Vận tải bằng ô tô tự đổ 15 tấn, độ dốc dọc từ 0,1% đến 11,2%.

+ Theo quy định tại TCVN 5326:2008: Loại xe từ 12 đến 16 tấn, độ dốc dọc không được vượt quá 9%.

- Bổ sung các bản vẽ:

+ Bản vẽ tạo diện khai thác đầu tiên tại khu II: Các kích thước, mặt cắt thể hiện khối lượng đào.

+ Bổ sung sơ đồ công nghệ dây chuyền, máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản... (*thuyết minh thiết kế cơ sở: Công ty đầu tư thêm trạm nghiên cứu công suất 400 tấn/h*).

+ Các bản vẽ thiết kế hạng mục thu gom nước, thoát nước khai trường, tuyến đường vận tải và các công trình bảo vệ môi trường của Khu II (*thể hiện đầy đủ các thông số chủ yếu như: dài, rộng, cao, cao độ tự nhiên, cao độ thiết kế, các mặt cắt...*).

## V. KẾT LUẬN

- Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn cơ bản đã tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây

- Văn bản số 109/UBND-KTN ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong 1.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 7841047242, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 02 tháng 12 năm 2018.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4900100332, đăng ký lần đầu ngày 10/8/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16/01/2018.

## 2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế:

- Tờ trình số 05/TTr-HP ngày 14/01/2019 của Công ty TNHH Hồng Phong về việc thẩm định thiết kế cơ sở công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Thuyết minh thiết kế cơ sở: 01 tập.
- Thuyết minh dự án: 01 tập
- Các bản vẽ thiết kế cơ sở: 19 bản.
- Hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn: 01 tập.

## III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ TRÌNH:

### 1. Trữ lượng và biên giới khai trường:

- Tổng trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác cấp 121+122 là 21.590.880,97 m<sup>3</sup>, trong đó cấp 121 là 7.996.757,1 m<sup>3</sup>, cấp 122 là 13.594.123,87 m<sup>3</sup>; diện tích khu vực trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 28,5 ha.

- Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng: +265 m.

### 2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án:

- Công suất khai thác 530.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, tương đương 781.750 m<sup>3</sup> đá sản phẩm/năm.

- Thời gian hoạt động của dự án: 24 năm.

### 3. Mở mỏ và trình tự khai thác:

Mỏ Hồng Phong 1 gồm 02 khu độc lập cách nhau khoảng 300m, Khu I hiện đang khai thác, Khu II chưa khai thác.

- Từ năm 1 đến hết năm thứ 5, tiến hành khai thác tại Khu I đến cột +295m.

- Từ năm thứ 6 tiến hành khai thác phần còn lại tại cột + 295m của Khu I, đồng thời tiến hành xây dựng cơ bản tại Khu II.

- Từ năm thứ 7 đến năm thứ 21 khai thác hoàn toàn tại Khu II.

- Từ năm thứ 22 đến hết thời gian: Khai thác phần còn lại của Khu II đến cột + 265m và chuyên sang khu I khai thác đến hết trữ lượng còn lại

### 4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác:

- Hệ thống khai thác: Khai thác theo lớp băng, vận tải băng ô tô.

- Các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác: Chiều cao tầng khai thác 10m; chiều cao tầng kết thúc 10m; góc nghiêng sườn tầng khai thác  $70^{\circ}$ ; góc nghiêng tầng kết thúc  $60^{\circ}$ ; góc nghiêng bờ mỏ khi kết thúc =  $48^{\circ}$ ; chiều rộng mặt tầng kết thúc 3,5m.

- Các thông số chủ yếu của công tác khoan nổ mìn: chiều cao tầng khai thác 10m; đường kính lỗ khoan 105 mm; đường cản chân tầng 4m; khoảng cách giữa các lỗ khoan 4,0m; chiều sâu lỗ khoan 11,5m; chỉ tiêu thuốc nổ  $0,35 \text{ kg/m}^3$ .

5. Các công trình phụ trợ: Các công trình phụ trợ như Nhà điều hành, nhà ở công nhân, nhà ăn, xưởng sửa chữa... đã được đầu tư từ giai đoạn trước.

#### IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

1. Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 1, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số 7841047242, chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2010; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22/8/2018. Thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với dự án đã được chứng nhận đầu tư.

Nội dung Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn hiện hành; nội dung cơ bản đáp ứng các nội dung hướng dẫn tại phần II, Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản.

2. Vị trí, địa điểm của mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiêt kế khai thác đã được UBND tỉnh xác nhận tại Công văn số 109/UBND-KTN ngày 06/02/2018.

Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án: Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong I, xã Hồng Phong và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

##### 3. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Khu vực phụ trợ phục vụ khai thác có diện tích 6,7 ha, trong đó có 6,39 ha đã được UBND tỉnh cho thuê để sử dụng vào mục đích văn phòng làm việc và bãi tập kết vật liệu tại Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 và Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 23/01/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Diện tích 28,5 ha dùng để làm khai trường khai thác mỏ (Diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 55,2 ha đã được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 291/GP-UBND ngày 11/02/2010), Công ty chưa lập hồ sơ xin thuê đất.

dựng trích dẫn áp dụng. Thiết kế cơ sở phù hợp với dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, còn có thiếu sót như đã đề cập tại Điểm 2, 5, 6, Mục IV - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.

- Trước khi triển khai các công việc tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư kiểm tra, rà soát, phối hợp với đơn vị tư vấn bổ sung, chỉnh sửa và giải trình những nội dung còn thiếu sót như đã đề cập tại Điểm 2,5,6, Mục IV, gửi tại Sở Xây dựng để kiểm tra, xác nhận theo quy định.

- Trong quá trình triển khai, thực hiện dự án yêu cầu tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật đầu tư xây dựng, an toàn khai thác mỏ và các quy định khác có liên quan.

- Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu, bổ sung giải pháp về việc sử dụng đá thải sau khai thác, sản xuất làm vật liệu xây dựng theo chủ trương của Chính phủ về sử dụng phế thải của các ngành công nghiệp như tro, xỉ, mạt đá... để sản xuất vật liệu xây không nung cũng góp phần giảm một lượng đáng kể các chất thải rắn ra môi trường.

- Phí thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính:  $(99.197.000.000 \times 0,01254\%) \times 50\% = 6.219.726,0$  đồng (*giá trị tổng mức đầu tư lấy theo giá trị tại Tờ trình số 05/TTr-HP ngày 14/01/2019*). Chủ đầu tư có trách nhiệm chuyển khoản phí trên vào số tài khoản 3511.0.1062631.00000 của Sở Xây dựng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồng Phong 1, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Sở Xây dựng gửi Công ty TNHH Hồng Phong rà soát, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Các Sở: TN&MT, CT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng;
- Lưu: VT, Kế toán, KT&VĨ XD.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Sỹ Tân**

**Mẫu số 04**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Số: 02 /HĐTD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 01 năm 2015

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Hồng Phong thuê đất để khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại xã Hồng Phong, xã Phú Xã, huyện Cao Lộc.

Trên cơ sở Quyết định số 160/QĐ-STC ngày 06/9/2014 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn về việc xác định đơn giá thuê đất của Công ty TNHH Hồng Phong.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2015, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi gồm:

**I. Bên cho thuê đất: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN**

- Địa chỉ trụ sở: Số 01, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông Hồ Tiến Thiệu - Giám đốc
- Điện Thoại: 0253 870 327 - Fax: 0253 870 327.

**II. Bên thuê đất: CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG**

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Tènh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông Trần Văn Dũng – Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0253 866 999 - Fax: 0253 866 618

**III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:**

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 63.906,5 m<sup>2</sup> (Sáu mươi ba nghìn chín trăm linh sáu phẩy năm mét vuông). Trong đó:

*Alp*

- Diện tích đất tại xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc là: 60.214,0 m<sup>2</sup> (bao gồm: Thửa đất số 258, tờ bản đồ địa chính số 48, diện tích 8.175,3 m<sup>2</sup>; thửa đất số 302, tờ bản đồ địa chính số 48, diện tích 21.417,6 m<sup>2</sup>; thửa đất số 14, tờ bản đồ địa chính số 53, diện tích 30.621,1 m<sup>2</sup>);

- Diện tích đất tại xã Phú Xá, huyện Cao Lộc là: 3.692,5 m<sup>2</sup> (thửa đất số 139, tờ bản đồ địa chính số 26).

Tại thôn Tèn Chè, xã Hồng Phong và thôn Pác Lùng, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích đo địa chính khu đất số 399/TĐBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 17/12/2007, UBND xã Hồng Phong và UBND xã Phú Xá xác nhận ngày 18/12/2007.

3. Thời hạn thuê đất: 30 năm (*Ba mươi năm*), kể từ ngày 18/01/2008 đến ngày 18/01/2038.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Xây dựng trụ sở Văn phòng, bãi để sản phẩm, khai thác đá làm vật liệu xây dựng.

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất.

1.1. Diện tích đất 60.214,0 m<sup>2</sup> thuộc xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc thuộc Khu vực II, nhóm vị trí 1. Đơn giá thuê đất: 840 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

1.2. Diện tích 3.692,5 m<sup>2</sup> thuộc xã Phú Xá, huyện Cao Lộc thuộc Khu vực III, nhóm vị trí 2. Đơn giá thuê đất: 448 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

2. Tiền thuê đất theo Hợp đồng này được tính từ ngày 18/01/2013 đến ngày 18/01/2018.

Tiền thuê đất 01 năm là: 52.234.000 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê hàng năm (01 lần/năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn (hoặc theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế).

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 3.** Việc sử dụng khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp

pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

**Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:**

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 23/01/2008/.

Bên thuê đất

Bên cho thuê đất

(Ký tên và đóng dấu) *Trần Văn Dũng*

(Ký tên và đóng dấu) *Hồ Tiên Thiệu*



Trần Văn Dũng

Hồ Tiên Thiệu